

Soạn bài: Ôn tập về phần tập làm văn**I. Về văn biểu cảm**

Câu 1: Các bài văn biểu cảm được **học và đọc** trong ngữ văn 7

- *Cổng trường mở ra* của Lý Lan
- *Trường học* của Ét-môn-đô đơ A-mi-xi
- *Mẹ tôi* của Ét-môn-đô đơ A-mi-xi
- *Cuộc chia tay của những con búp bê* của Khánh Hoài
- *Thư cho một người bạn hiểu về đất nước mình* của I-ri-na Ki-xlô-va
- *Tám gương* của Băng Sơn
- *Tản văn Mai Văn Tạo* của Mai Văn Tạo
- *Cây sấu Hà Nội* của Tạ Việt Anh
- *Sấu Hà Nội* của Nguyễn Tuân
- *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới
- *Người ham chơi* của Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Những tấm lòng cao cả* của Ét-môn-đô đơ A-mi-xi
- *Môm Lũng Cú tốt Bắc* của Nguyễn Tuân
- *Cỏ dại* của Tô Hoài
- *Quà bánh tuổi thơ* của Đặng Anh Đào
- *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khánh
- *Kẹo mầm* của Băng Sơn
- *Một thứ quà của lúa non: Cốm* của Thạch Lam
- *Sài Gòn tôi yêu* của Minh Hương
- *Mùa xuân của tôi* của Vũ Bằng

Câu 2: Đặc điểm của văn biểu cảm:

- Văn biểu cảm chủ yếu viết ra để bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của người viết với đối tượng biểu cảm (con người, cây cối, con vật, đồ vật, tác phẩm văn học,...)

- Bố cục 3 phần:

+ Mở bài: Nêu đối tượng biểu cảm, khái quát cảm xúc ban đầu

+ Thân bài: Nêu cảm nghĩ về đối tượng

+ Kết bài: Khẳng định lại cảm xúc mà mình dành cho đối tượng

- Tình cảm thể hiện phải trong sáng, rõ ràng, chân thực.

Câu 3: Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn biểu cảm

Trong bài văn biểu cảm, yếu tố miêu tả cảnh vật, đồ vật, con người chủ yếu là để bộc lộ tư tưởng, tình cảm. Do đó, ta không miêu tả cụ thể, hoàn cảnh chính mà chỉ chọn những chi tiết, thuộc tính, sự việc nào có khả năng gợi cảm để biểu hiện cảm xúc, tư tưởng mà thôi.

Câu 4: Ý nghĩa của yếu tố tự sự trong văn biểu cảm

Yếu tố tự sự có tác dụng gợi cảm rất lớn, nhất là khi kể các hành động cao cả, nghĩa khí, vị tha hoặc các hành vi thiếu đạo đức. Trong văn biểu cảm, cái quan trọng là ý nghĩa sâu xa của sự việc buộc người ta nhớ lâu và suy nghĩ, cảm xúc về nó.

Câu 5: Cách biểu đạt tình cảm trong bài văn biểu cảm

Để bày tỏ tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ, ngợi ca đối với một con người, sự vật, hiện tượng, ta phải nêu lên tính chất, đặc điểm cơ bản, nổi bật của con người, sự vật, hiện tượng đó. Ta có thể chọn một hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng để gửi gắm tình cảm, tư tưởng, hoặc biểu đạt bằng cách thổ lộ trực tiếp những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng. Tình cảm trong bài phải rõ ràng, trong sáng, chân thực.

Câu 6: Ngôn ngữ biểu cảm

Ngoài cách biểu cảm tình cảm trực tiếp như tiếng kêu, lời than, văn biểu cảm còn sử dụng các biện pháp tự sự, miêu tả để khơi gợi tình cảm, nhiều biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, điệp từ...

Câu 7:

Nội dung văn bản biểu cảm	Biểu đạt một tư tưởng tình cảm, cảm xúc về con người, sự vật kỉ niệm...
Mục đích biểu cảm	Khêu gợi sự đồng cảm của người đọc, làm cho người đọc cảm nhận được cảm xúc của người viết
Phương tiện biểu cảm	Ngôn ngữ và hình ảnh thực tế để biểu đạt tư tưởng, tình cảm. Phương tiện ngôn ngữ bao gồm từ ngữ, hình thức câu văn, vần, điệu, ngắt nhịp, biện pháp tu từ...

Câu 8: Bố cục bài văn biểu cảm (xem lại câu 2 ở trên)

II. Về văn nghị luận

Câu 1: Các bài văn nghị luận đã **học và đọc** trong Ngữ văn 7

- *Chống nạn thất học* của Hồ Chí Minh
- *Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội* của Bằng Sơn
- *Hai biển hồ*
- *Học thầy, học bạn* của Nguyễn Thanh Tú
- *Ích lợi của việc đọc sách* của Thành Mĩ
- *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Hồ Chí Minh
- *Học cơ bản mới có thể thành tài lớn* của Xuân Yên
- *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* của Đặng Thai Mai
- *Tiếng Việt giàu và đẹp* của Phạm Văn Đồng
- *Đừng sợ vấp ngã*
- *Không sợ sai lầm* của Hồng Diễm
- *Có hiểu đời mới hiểu văn* của Nguyễn Hiến Lê
- *Đức tính giản dị của Bác Hồ* của Phạm Văn Đồng
- *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc* của Phạm Văn Đồng

- Ý nghĩa của văn chương của Hoài Thanh
- Lòng khiêm tốn của Lâm Ngữ Đường
- Lòng nhân đạo của Lâm Ngữ Đường
- Óc phán đoán và óc thẩm mỹ của Nguyễn Hiến Lê
- Tự do và nô lệ của Nghiêm Toản

Câu 2:

- Trên báo chí, văn bản nghị luận xuất hiện dưới những dạng bài xã luận, diễn đàn, bàn về...
- Trong sách giáo khoa, văn bản nghị luận xuất hiện dưới những dạng bài làm văn nghị luận, hội thảo chuyên đề...

Câu 3: Yếu tố cơ bản trong bài văn nghị luận

- Luận điểm là những kết luận có tính khái quát, có ý nghĩa phổ biến đối với xã hội.
- Luận cứ là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới giúp cho luận điểm có sức thuyết phục.
- Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.

Câu 4:

- Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định). Luận điểm phải đúng đắn, chân thực, đáp ứng nhu cầu thực tế, mới có sức thuyết phục.

Câu a và câu d là luận điểm.

Câu b là câu cảm thán.

Câu c là một luận đề, chưa phải là luận điểm.

- Luận điểm thường có hình thức câu trần thuật với từ là hoặc có (phẩm chất, tính chất... nào đó)

Câu 5:

- Nói như vậy là không đúng, người nói tỏ ra không hiểu cách về làm văn chứng minh.

- Chứng minh trong văn nghị luận đòi hỏi phải phân tích, diễn giải để dẫn chứng thể hiện được điều mình muốn chứng minh.

- Câu ca dao trên làm theo thể thơ lục bát, tiêu biểu cho sự giàu đẹp về thanh điệu của tiếng Việt. Tuy nhiên, cần phân tích diễn giải thì câu ca dao mới có giá trị chứng minh.

Câu 6:

- Giống nhau: Cùng nói về câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"

- Khác nhau: Về nhiệm vụ

+ (a): Là đề giải thích làm cho người đọc hiểu rõ những điều chưa biết về câu tục ngữ này. Câu tục ngữ này có nghĩa là gì, rút ra bài học gì?

+ (b): Là đề chứng minh, dùng những lập luận, bằng chứng cụ thể để chứng minh bài học của câu tục ngữ này là đúng.

- Nhiệm vụ giải thích và chứng minh khác nhau:

+ Giải thích là làm cho người đọc hiểu rõ những điều chưa biết trong mọi lĩnh vực.

+ Chứng minh là phép lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm cần chứng minh là đáng tin cậy.